

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/QĐ-CT

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2017** của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Căn cứ Quyết định số: 70/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số: 2388/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Bổ nhiệm Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Tờ trình số 114/TTr-CT ngày 29/7/2016 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2017;

Căn cứ Tờ trình số 2494/TTr-STC ngày 23/8/2016 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ công văn số 3540/UBND-TH ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

(Có kèm theo Phụ lục 01A)

Điều 2. Các Ông (Bà) trong Ban Giám đốc; Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kinh tế - Kế hoạch; Trưởng các Phòng, Ban, Trạm thủy nông thuộc Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- BCD Đổi mới và PTDN tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh;
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Như Điều 2;
- Lưu: HC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Phạm Văn Hương

PHỤ LỤC 1A
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017


Kèm theo Quyết định số 89 ngày 05/9/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016			Kế hoạch 2017	So sánh 2016 TH /KH(%)	So sánh 2017/2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 30/6	Ước thực hiện			
A- CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH									
I- Sản lượng									
1. Sản lượng sản xuất chủ yếu									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước									
- Diện tích tưới		ha	61.394	67.131	40.113	67.498	73.050	101	108
- Khối lượng nước cung cấp		m3	14.033.164	16.022.188	8.002.000	16.860.000	18.977.210	105	113
b) Sản phẩm xuất khẩu									
2. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước									
- Diện tích tưới		ha	61.394	67.131	40.113	67.498	73.050	101	108
- Khối lượng nước cung cấp		m3	14.033.164	16.022.188	8.002.000	16.860.000	18.977.210	105	113
b) Các sản phẩm xuất khẩu									
3. Giá thành đơn vị SP chủ yếu									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước									
Diện tích tưới(trọng lực đồng bằng)		đ/ha	986.000	986.000	985.000	986.000	986.000	100	100
Diện tích tưới(đồng lực đồng bằng)		đ/ha	1.409.000	1.409.000	1.409.000	1.409.000	1.409.000	100	100
Diện tích tưới(trọng lực miền núi)		đ/ha	1.267.000	1.267.000	1.267.000	1.267.000	1.267.000	100	100
Diện tích tưới(đồng lực miền núi)		đ/ha	1.811.000	1.811.000	1.811.000	1.811.000	1.811.000	100	100
b) Các sản phẩm xuất khẩu									
4. Giá bán các sản phẩm chủ yếu									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước									
Diện tích tưới(trọng lực đồng bằng)		đ/ha	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	100	100
Diện tích tưới(đồng lực đồng bằng)		đ/ha	1.409.000	1.409.000	1.409.000	1.409.000	1.409.000	100	100
Diện tích tưới(trọng lực miền núi)		đ/ha	1.267.000	1.267.000	1.267.000	1.267.000	1.267.000	100	100
Diện tích tưới(đồng lực miền núi)		đ/ha	1.811.000	1.811.000	1.811.000	1.811.000	1.811.000	100	100
b) Sản phẩm xuất khẩu									
II. Kết quả kinh doanh									
1. Tổng doanh thu	10	trđ	69.056	69.271	34.694	70.333	76.672	102	109
a. Doanh thu thuần	10.1	trđ	66.113	66.771	33.584	67.833	74.172	102	109
b. Doanh thu hoạt động tài chính	10.2	trđ	1.514	1.500	610	1.500	1.500	100	100
c. Doanh thu khác	10.3	trđ	1.429	1.000	500	1.000	1.000	100	100
2. Lãi phát sinh	20								
a. Trước thuế TNDN	20.1	trđ	5.887	3.231	1.852	3.463	3.852	107	111
b. Sau thuế TNDN	20.2	trđ	5.112	2.823	1.676	3.041	3.439	108	113
3. Lỗ phát sinh	30	trđ							
4. Lỗ lũy kế	40	trđ							
III. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN									
1. Từ hoạt động KD nội địa	110	trđ	2.172	1.369	951	1.460	1.765	107	121
a. Thuế GTGT	111	trđ	1.023	727	522	735	853	101	116
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	112	trđ							
c. Thuế TNDN	113	trđ	775	408	176	422	413	103	98

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016			Kế hoạch 2017	So sánh 2016 TH /KH(%)	So sánh 2017/2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 30/6	Ước thực hiện			
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	114	trđ	374	234	253	303	499	129	165
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	120	trđ							
a. Thuế XNK	121	trđ							
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	122	trđ							
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	123	trđ							
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	124	trđ							
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	130	trđ							
IV. Thuế và các khoản nộp đã NSNN	200	trđ							
1. Từ hoạt động KD nội địa	210	trđ	2.146						
a. Thuế GTGT	211	trđ	878						
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	212	trđ							
c. Thuế TNDN	213	trđ	900						
Trong đó: số nộp cho phát sinh năm trước	214	trđ							
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	215	trđ	368						
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	220	trđ							
a. Thuế XNK	221	trđ							
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	222	trđ							
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	223	trđ							
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	224	trđ							
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	230	trđ							
V. Nợ thuế	300	trđ							
1. Nợ thuế từ hoạt động KD nội địa	310	trđ							
a. Thuế GTGT	311	trđ							
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	312	trđ							
c. Thuế TNDN	313	trđ							
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	314	trđ							
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	320	trđ							
a. Thuế XNK	321	trđ							
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	322	trđ							
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	323	trđ							
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	324	trđ							
VI. Các khoản chi NSNN	400	trđ							
1. Chi sự nghiệp	410	trđ							
a. Chi đào tạo	411	trđ							
b. Chi SN y tế, DS và KHHGD	412	trđ							
c. Chi sự nghiệp kinh tế	413	trđ							
d. Chi nghiên cứu khoa học	414	trđ							
2. Chi bổ sung vốn điều lệ	420	trđ							
3. Chi đầu tư xây dựng	430	trđ							
4. Chi trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính	440	trđ							
5. Các khoản chi khác	450	trđ							
B- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH									
1. Tổng tài sản		trđ	1.751.512	1.852.512	1.852.512	1.852.512	1.853.912	100	100
2. Vốn chủ sở hữu		trđ	1.735.019	1.832.730	1.831.583	1.832.948	1.833.346	100	100
3. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		trđ	1.729.876	1.829.876	1.829.876	1.829.876	1.829.876	100	100
4. Quỹ Đầu tư phát triển		trđ	1.309	-	-	-	-		
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB		trđ	31	31	31	31	31	100	100
6. Nguồn vốn khác của chủ sở hữu		trđ							
7. Vốn điều lệ được phê duyệt		trđ	1.686.028						

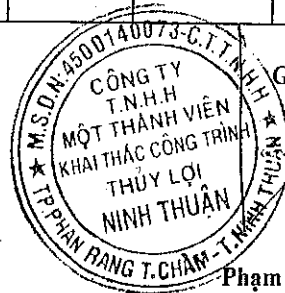
Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2105	Năm 2016			Kế hoạch 2017	So sánh 2016 TH /KH(%)	So sánh 2017/2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 30/6	Ước thực hiện			
8. Nguồn bổ sung vốn điều lệ		trđ							
9. Quỹ Đầu tư phát triển		trđ							
10. Nguồn bổ sung khác		trđ							
C- HUY ĐỘNG VỐN									
1. Tổng mức huy động		trđ							
2. Phát hành trái phiếu		trđ							
a) Trong nước		trđ							
b) Ngoài nước		trđ							
3. Vay các tổ chức tín dụng		trđ							
a) Trong nước		trđ							
b) Ngoài nước		trđ							
4. Huy động khác		trđ							
5. Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu		trđ							
D- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN									
1. Lợi nhuận thực hiện		trđ	5.887	3.231	1.852	3.463	3.852	107	111
2. Trích quỹ phát triển khoa học & công nghệ		trđ							
3. Bù lỗ các năm trước (nếu có)		trđ							
4. Thuế TNDN phải nộp		trđ	775	408	176	422	413	103	98
5. Lợi nhuận còn lại		trđ	5.112	2.823	1.676	3.041	3.439	108	113
6. Trích quỹ đặc thù		trđ							
7. Tính 30% quỹ đầu tư phát triển		trđ	1.309	-	-	-	-		
8. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		trđ	3.665	2.823	1.676	3.041	3.439	108	113
9. Quỹ thưởng Người quản lý DN		trđ	138	-	-	-	-		
10. Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ		trđ	-	-	-	-	-		

Người lập


Võ Phạm Bảo Thu

Kế toán trưởng


Lê Phước



Giám đốc


Phạm Văn Hùng

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Phụ lục 01
Ban hành theo TT 178/2014/TT-BTC
ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính

**KẾ HOẠCH TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Năm 2017**

Kèm theo Quyết định số 89 ngày 05/9/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Ước thực hiện KH 2016	Kế hoạch 2017	Ghi chú
I	Kế hoạch cấp nước, tưới, tiêu nước	Ha				-
1	Khối lượng cấp nước	m3	16.022.188	16.860.000	18.977.210	
2	Diện tích tưới nước	Ha	67.131	67.498	73.050	
	Trong đó:					
	- Diện tích miễn thu TLP	Ha	66.636	67.003	72.555	
	- Diện tích phải thu TLP	Ha	495	495	495	
3	Diện tích tiêu nước	Ha				
4	Diện tích tưới tiêu kết hợp	Ha				
5	Diện tích khác	Ha				
II	Kế hoạch doanh thu		69.271.000	70.333.000	76.672.000	-
1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	1,000đ	52.699.000	53.043.000	57.567.000	
2	Thu TLP của các đối tượng không miễn thu thủy lợi phí	1,000đ	340.000	340.000	340.000	
3	Thu trợ cấp, trợ giá ...					
4	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	1,000đ	13.732.000	14.450.000	16.265.000	
5	Thu khác	1,000đ	2.500.000	2.500.000	2.500.000	
III	Kế hoạch chi	1,000đ	66.040.000	66.860.000	72.820.000	-
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi	1,000đ	51.664.000	51.830.000	56.070.764	
	Trong đó: Chi duy tu bảo dưỡng thường xuyên	1,000đ	30.100.000	31.300.000	34.700.000	
2	Chi kinh doanh khai thác tổng hợp	1,000đ	13.376.000	14.030.000	15.749.236	
3	Chi Khác	1,000đ	1.000.000	1.000.000	1.000.000	
IV	Cân đối thu chi lãi (lỗ)	1,000đ	3.231.000	3.473.000	3.852.000	-
1	Lãi (lỗ) KTCTTL	1,000đ	1.375.000	1.553.000	1.836.236	-
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	1,000đ	1.856.000	1.920.000	2.015.764	-
V	Chi đầu tư, sửa chữa c.trình thủy lợi:	1,000đ				
	Trong đó:					
	Chi phí sửa chữa lớn từ nguồn thu của công ty	1,000đ				
	Chi SCL đề nghị ngân sách cấp	1,000đ				
VI	Kế hoạch ngân sách hỗ trợ	1,000đ				
1	Nội dung hỗ trợ	1,000đ	52.699.000	53.043.000	57.567.000	-
1,1	Cấp bù do miễn thủy lợi phí	1,000đ	52.699.000	53.043.000	57.567.000	
1,2	Cấp kinh phí trợ cấp, trợ giá ...	1,000đ				
1,3	Cấp 02 quý khen thưởng và phúc lợi	1,000đ				
1,4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	1,000đ				
1,5	Cấp khoản hỗ trợ khác	1,000đ				
2	Nguồn hỗ trợ	1,000đ				

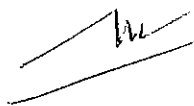
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Ước thực hiện KH 2016	Kế hoạch 2017	Ghi chú
2,1	Ngân sách Trung ương	1,000đ	52.699.000	53.043.000	57.567.000	
2,2	Ngân sách địa phương	1,000đ				
VII	Kế hoạch nộp Ngân sách	1,000đ	1.369.000	1.460.000	1.765.468	
1	Nộp tiền thuê đất	1,000đ	77.720	77.720	103.000	
2	Nộp thuế GTGT	1,000đ	727.000	735.000	853.000	
3	Nộp khác	1,000đ	564.280	647.280	809.468	-
VIII	Kế hoạch lao động tiền lương	1,000đ				
1	Số lao động (bình quân)		253	246	265	
2	Quỹ tiền lương	1,000đ	18.450.000	18.470.000	20.030.000	

Người lập



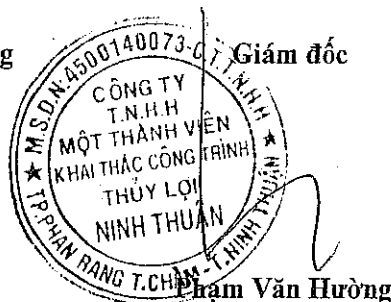
Võ Phạm Bảo Thu

Kế toán trưởng



Lê Phước

Giám đốc



Phạm Văn Hùng

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89 ngày 05/9/2016 của cty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi)

Phần I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ:

Tên : Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Chức năng, nhiệm vụ quản lý và khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, xây dựng các công trình dân dụng và khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ.

Địa chỉ 144 đường 21/8 phường Phước Mỹ, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Mã số thuế: 4500140073

Hiện nay Công ty gồm có 7 trạm thủy nông, 03 phòng nghiệp vụ và 01 Ban quản lý thực hiện dự án tu sửa công trình thủy lợi trực thuộc Công ty.

Mỗi trạm thủy nông đóng trên một Huyện, Thành phố có nhiệm vụ bảo vệ khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, thành phố mà mình quản lý.

Các Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch:

Căn cứ pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị Định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 sửa đổi một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị Định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng với người lao động làm việc trong các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị Định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 6/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông Tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị Định số 67/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 sửa đổi một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý và trích khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư sử dụng vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 357/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007; Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 03/12/2009; Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi của Công ty Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định 73/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận V/v sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về mức thu, quản lý thủy lợi phí, tiền nước và miễn thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định 257/2009/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của UBND tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh diện tích miễn thu thủy lợi phí kế hoạch năm 2017 và biện pháp tưới, tiêu theo từng diện tích tưới nước tiêu nước miễn thủy lợi phí cho công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt dự toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí năm 2017 cho Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận lập kế hoạch tài chính năm 2017 với các chỉ tiêu sau:

I. Các chỉ tiêu:

Số TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Kế hoạch 2016	Ước thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	<u>Kế hoạch tưới tiêu</u>	Ha	<u>67.131</u>	<u>67.498</u>	<u>73.050</u>	
1	Vụ Đông Xuân	“	25.954	26.321	26.865	
2	Vụ Hè Thu	“	16.598	16.598	20.695	
3	Vụ Mùa	“	24.579	24.579	25.490	
II	<u>Diện tích miễn thu TLP</u>	Ha	<u>66.636</u>	<u>67.003</u>	<u>72.555</u>	
1	Vụ Đông Xuân	“	25.740	26.107	26.651	
2	Vụ Hè Thu	“	16.404	16.404	20.501	
3	Vụ Mùa	“	24.492	24.492	25.403	
III	<u>Diện tích phải thu TLP</u>	Ha	<u>495</u>	<u>495</u>	<u>495</u>	
IV	<u>Kế hoạch doanh thu</u>	Tr.đ	69.271	70.333	76.672	
1	Doanh thu thủy lợi phí được cấp bù	Tr.đ	52.699	53.043	57.567	
2	Doanh thu thủy lợi phí không cấp bù	Tr.đ	14.072	14.790	16.605	
	- Thu lúa, hoa màu, cây CN	Tr.đ	340	340	340	
	- Thu dịch vụ cung cấp nước	Tr.đ	13.732	14.450	16.265	
3	Doanh thu khác	Tr.đ	2.500	2.500	2.500	
V	<u>Tổng chi phí</u>	Tr.đ	<u>66.040</u>	<u>66.870</u>	<u>72.820</u>	
A	<u>Chi phí tài chính vốn TLP</u>	Tr.đ	<u>65.040</u>	<u>65.870</u>	<u>71.820</u>	
1	Chi phí nạo vét kênh mương, sửa chữa thường xuyên công trình	Tr.đ	5.100	5.300	5.500	
2	Chi phí tu sửa công trình	Tr.đ	25.000	26.000	29.200	
3	Chi lương	Tr.đ	18.450	18.470	20.030	
4	Chi phí khấu hao cơ bản TSCĐ	Tr.đ	1.300	1.300	1.310	
5	Chi phí quản lý	Tr.đ	3.900	3.800	4.000	
6	Chi phí ăn ca	Tr.đ	2.250	2.050	2.150	
7	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	2.700	2.850	3.100	

8	Nguyên, nhiên, vật liệu vận hành công trình	Tr.đ	250	260	300
9	Chi phí trả tiền điện trạm bơm	Tr.đ	3.170	2.900	3.000
10	Chi phí đào tạo	Tr.đ	200	200	300
11	Chi phí làm thêm giờ	Tr.đ	350	360	400
12	Chi phí bảo hộ an toàn lao động	Tr.đ	1.550	1.480	1.520
13	Chi mua trang thiết bị DC quản lý	Tr.đ	300	350	400
14	Chi phí tiền thù lao KSV	Tr.đ	70	60	60
15	Chi phí ứng dụng KHKT	Tr.đ	50	40	50
16	Chi chống hạn đột xuất	Tr.đ	200	220	250
17	Chi phí khác	Tr.đ	200	230	250
B	Chi phí nhận thầu xây lắp	Tr.đ	1.000	1.000	1.000
VI	Lợi nhuận		3.231	3.463	3.852
VII	Chỉ tiêu nộp ngân sách	Tr.đ	1.369	1.460	1.765
VIII	Kế hoạch xây dựng bằng vốn kinh doanh		1.000	1.000	-
1	Tu sửa nhà làm việc trạm Ninh Hải		500	500	
2	Sửa chữa làm sân vườn phía nam công ty		500	500	
IX	Kế hoạch xây dựng các công trình bằng nguồn vốn đầu tư phát triển		-	-	1.400
1	Cải tạo nâng cấp mở rộng nhà làm việc trạm Thuận Bắc				1.000
2	Xây dựng nhà kho trạm Bắc Ái				200
3	Xây dựng nhà kho trạm Thuận Nam				200

Phần II:
PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
NĂM 2016

I. Dự kiến kết quả đạt được:

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là doanh nghiệp công ích có nhiệm vụ quản lý khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Cung cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và dân sinh kinh tế.

Kế hoạch tài chính năm 2016 Công ty đã xây dựng từ tháng 7/2015 và được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất thông qua tại Văn bản số 3451/UBND-TH ngày 01/9/2015 dựa trên điều kiện thời tiết bình thường.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của hiện tượng biến đổi khí hậu El-nino làm cho hạn hán kéo dài vì vậy các hồ chứa, đập dâng trên địa bàn tỉnh không tích đủ nước để phục vụ sản xuất, chỉ ưu tiên cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và nước chăn nuôi gia súc.

Công ty nhận được sự chỉ đạo điều tiết nước theo văn bản số 1512/KH-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ứng phó hạn hán và tác động của biến đổi khí hậu năm 2016 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Do đó Công ty phải điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch tài chính năm 2016 theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP quy định: “kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công ích điều chỉnh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến nhiệm vụ công ích” và được UBND tỉnh thống nhất thông qua việc điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty tại văn bản số 2540/UBND-TH ngày 29/6/2016.

Công ty dự kiến thực hiện năm 2016 như sau:

- a) Tổng diện tích được tưới dự kiến thực hiện là 67.498 ha/67.131ha đạt 101% so với kế hoạch.
- b) Khối lượng nước cung cấp cho sinh hoạt và công nghiệp: dự kiến sản lượng tiêu thụ trong năm là 16.860.000 m³ / 16.022.188 m³ đạt 105% kế hoạch.
- c) Doanh thu thủy lợi phí, thu dịch vụ cung cấp nước, thủy lợi phí, doanh thu cấp bù miễn thu thủy lợi phí và các khoản doanh thu khác.

+ Doanh thu thủy lợi phí và dịch vụ cấp nước ước đạt 14.790 triệu đồng/ 14.072 triệu đồng đạt 105% kế hoạch.

Trong đó :

- Thu thủy lợi phí lúa, rau, màu, cây công nghiệp ước thực hiện 340 triệu đồng/ 340 triệu đồng đạt 100% kế hoạch

- Thu dịch vụ cung cấp nước ước đạt 14.450 triệu đồng /13.732 triệu đồng đạt 105% so với kế hoạch.

+ Doanh thu cấp bù do miễn thu thủy lợi phí dự kiến thực hiện năm 2016 là 53.043/52.699 triệu đồng đạt 101% so với kế hoạch.

+Doanh thu khác : Là các khoản thu từ tiền nhận thầu ngoài, các khoản thu khác ... 2.500 triệu đồng đạt 100% so với kế hoạch.

d) Lợi nhuận thực hiện năm 2016 dự kiến đạt : 3.463 triệu đồng so với kế hoạch 3.231 triệu đồng. Đạt 107% so với kế hoạch.

đ) Nộp ngân sách năm 2016 : Trong năm công ty dự kiến nộp Ngân sách nhà nước là 1.460 triệu đồng /1.369 triệu đồng đạt 107% kế hoạch.

2. Đánh giá chung :

Những thuận lợi:

Mặc dù những năm 2016 thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp năng hạn kéo dài, nhưng được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, cùng sự quan tâm giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành và chính quyền địa phương các cấp trong tỉnh, cùng sự đoàn kết nhất trí quyết tâm cao của tập thể cán bộ lãnh đạo và nhân viên trong toàn công ty. Nên Công ty đã vượt qua được những khó khăn trở ngại để hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ công ích nhà nước giao năm 2016 đặc biệt là cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và chăn nuôi của người dân do nắng hạn gây ra nhằm hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất có thể.

Những khó khăn :

Các công trình thủy lợi do Công ty quản lý được xây dựng không đồng bộ, một số tuyến kênh chính, kênh cấp II đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng mà chưa được kiên cố, nâng cấp, mở rộng vì vậy rất khó khăn trong công tác vận hành điều tiết nước nhất là những vùng cuối kênh.

Lượng mưa phân bố trên địa bàn tỉnh không đồng đều, nắng hạn thì kéo dài, lượng nước tích trong các công trình hồ đập không đủ cung cấp chỉ đạt 40% dung tích thiết kế. Dung tích các hồ chứa đa phần là các hồ nhỏ lưu vực ngắn dòng chảy dốc, nên khi có mưa dễ sinh ra lũ và khi dứt mưa thì không có nước vào hồ.

Do ý thức của người dân trong việc bảo vệ công trình thủy lợi chưa cao, chưa được sự hỗ trợ kịp thời của các cấp chính quyền địa phương trong xử lý vi phạm, lấn chiếm, ảnh hưởng rất lớn đến việc quản lý, vận hành cũng như việc duy tu sửa chữa, nạo vét công trình.

Chưa có cơ chế tài chính riêng cho các công ty hoạt động công ích trong lĩnh vực khai thác bảo vệ công trình thủy lợi để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các đơn vị trong những năm gặp thiên tai bất khả kháng.

Các chính sách chế độ của Nhà nước thường xuyên thay đổi nên khi triển khai thực hiện gặp không ít khó khăn trở ngại, lúng túng.

Phần III : CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2017

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

1. Kế hoạch tưới tiêu :

Dựa trên việc khai thác hết diện tích tưới từ nguồn nước xả của nhà máy thủy điện Đa Nhim trên sông Cái Phan Rang và lượng nước tích được trong các hồ chứa như Sông Sắt, Sông Trâu, Tân Giang, Sông Biêuvà một số hệ thống khác do công ty quản lý.

+ **Tổng Diện tích tưới năm 2017** : **73.050,25 ha**
Trong đó diện tích miễn thu thủy lợi phí: 72.555,65ha

Công ty đã được Ủy Ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt diện tích miễn thu thủy lợi phí kế hoạch năm 2017 và biện pháp tưới, tiêu theo từng diện tích tưới nước, tiêu nước miễn thủy lợi phí trên các hệ thống công trình theo hướng dẫn của Thông tư 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài Chính quy định.

Diện tích tưới phải thu thủy lợi phí : 494,60 ha

Diện tích phải thu thủy lợi phí dựa trên kế hoạch hợp đồng tưới hàng năm với các công ty giống cây trồng và trung tâm sản xuất giống cây trồng.

2. Kế hoạch dịch vụ cung cấp nước :

Đối với dịch vụ cung cấp nước cho các đơn vị sản xuất công nghiệp, sinh hoạt năm 2017. Công ty dự kiến ký hợp đồng cung cấp nước với 13 đơn vị dự kiến sản lượng tiêu thụ khoảng 18.977.210 m³/năm.

II. Kế hoạch doanh thu năm 2017:

76.672 triệu đồng

Trong đó :

1. Doanh thu cấp bù do miễn thu thủy lợi phí:

57.567 triệu đồng

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 về dự toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí năm 2017 dựa trên diện tích kế hoạch đã được phê duyệt.

Về việc tính doanh thu cấp bù miễn thu thủy lợi phí thực hiện theo Nghị định 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định 73/2012/QĐ-UBND quy định mức thu thủy lợi phí đối với tỉnh Ninh Thuận.

2. Doanh thu thủy lợi phí và dịch vụ cấp nước:

16.605 triệu đồng

Gồm có :

- Thu thủy lợi phí lúa, rau, màu, cây công nghiệp: 340 triệu đồng

- Thu dịch vụ cung cấp nước: 16.265 triệu đồng

Tổng doanh thu dịch vụ cấp nước tính theo đơn giá Nghị định 67/2012/NĐ-CP và Quyết định số 73/2012/QĐ-UBND trong đó thuế GTGT phải nộp theo thuế suất là 5%.

(Kèm theo kế hoạch doanh thu, thuế GTGT dịch vụ cấp nước – Phụ lục 01)

3. Doanh thu khác :

2.500 triệu đồng

Doanh thu khác là khoản doanh thu từ nhận thầu các công trình xây lắp ngoài, và các khoản thu khác. Ghi nhận theo thực tế thực hiện.

III. Kế hoạch chi phí năm 2016:

72.820 triệu đồng

A. Chi phí bằng nguồn vốn cấp bù miễn thu thủy lợi phí và dịch vụ cấp nước, thủy lợi phí phải thu:

71.820 triệu đồng

Trong đó gồm:

1. Chi phí nạo vét, duy tu sửa chữa công trình là:

34.700 triệu đồng

Chia ra :

- Chi phí nạo vét kênh mương, sửa chữa thường xuyên: 5.500 triệu đồng

- Chi phí tu sửa công trình: 29.200 triệu đồng

(Kèm theo danh mục công trình tu sửa – Phụ lục 02)

2. Chi lương và các khoản phụ cấp:

20.030 triệu đồng

Trong đó :

+ Quỹ lương kế hoạch của người lao động :

18.266 triệu đồng

Quỹ lương của người lao động công ty ty được tính theo quy định của Nghị định 51/2016/NĐ-CP.

(Kèm theo phụ lục 03)

+Quỹ lương kế hoạch của Viên chức quản lý: 1.764 triệu đồng

Quỹ lương của viên chức quản lý được tính theo quy định tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP.

(Kèm theo phụ lục 04)

3. Chi phí khấu hao TSCĐ: 1.310 triệu đồng

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần vào nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Riêng TSCĐ là các công trình hệ thống kênh mương, hồ đập,... công ty không trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/1/2009 hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế tài chính đối với công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và Văn bản số 809/BTC-TCĐN ngày 20/1/2015 về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi đến Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 8 của Bộ tài chính.

(Kèm theo phụ lục 05)

4. Chi phí quản lý: 4.000 triệu đồng

Căn cứ Quyết định số 357/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là chi phí quản lý bằng 23,36% tổng quỹ lương. Nhưng công ty tiết kiệm chi phí quản lý nên kế hoạch chi phí quản lý 4.000 triệu đồng.

5. Chi phí ăn ca: 2.150 triệu đồng

Dự kiến công ty sẽ tiếp nhận bàn giao thêm một số công trình hồ đập, do đó số lượng cán bộ công nhân sẽ bổ sung tăng thêm để quản lý các công trình này. Dự kiến tổng số lao động kế hoạch là 265 người. Viên chức quản lý 6 người.

(Kèm theo phụ lục 06)

6. Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: 3.100 triệu đồng

Trong đó:

Lương cơ bản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp dự kiến đóng theo hợp đồng lao động. công ty trích nộp tổng cộng cho người lao động là 24%. (gồm BHXH : 18%; BHYT: 3%; BHTN: 1%; KPCĐ : 2%)

(Kèm theo phụ lục 07)

7. Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu vận hành công trình: 300 triệu đồng

Thực hiện Quyết định số 357/QĐ-UBND về định mức chi phí nguyên, nhiên, vật liệu để bảo dưỡng vận hành công trình gồm dầu, mỡ, sơn dùng để bôi trơn chống gỉ sét để bảo dưỡng cho các công trình phục vụ cho việc tưới, tiêu nước trên tất cả các hệ thống công trình hồ, đập, kênh mương do công ty quản lý nằm trên 7 Huyện và Thành phố của tỉnh.

(Kèm theo phụ lục 08)

8. Chi phí trả tiền điện các trạm bơm: 3.000 triệu đồng
Thực hiện theo Quyết định 357/QĐ-UBND; Quyết định 4545/QĐ-UBND về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác khai thác công trình thủy lợi và giá điện bình quân tháng 6/2016 làm căn cứ để tính.
(Kèm theo phụ lục 09)
9. Chi phí đào tạo: 300 triệu đồng
Dự kiến chi phí tổ chức học nâng cao tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và các chi phí học tập khác để bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ quản lý cho cán bộ công nhân viên.
(Kèm theo phụ lục 10)
10. Chi phí làm thêm giờ: 400 triệu đồng
Các khoản chi phí dùng để chi trả cho cán bộ công nhân quản lý phân phối điều tiết nước ngoài giờ phục vụ công tác phòng chống hạn, phòng chống lụt bão hàng năm.
(Thực hiện theo thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ban hành ngày 05 tháng 01 năm 2005 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ.)
(Kèm theo phụ lục 11)
11. Chi phí trang phục và bảo hộ an toàn lao động: 1.520 triệu đồng
Chi phí trang phục và bảo hộ lao động cho một người dự kiến là 5 triệu đồng/người/năm. (theo quy định của Thông tư 178/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính).
(Kèm theo phụ lục 12)
12. Chi mua sắm trang thiết bị dụng cụ: 400 triệu đồng
Chi phí dùng để mua trang bị các dụng cụ đồ dùng quản lý cho công ty, nhằm nâng cao năng lực hoạt động đem lại hiệu quả trong công việc.
(Kèm theo phụ lục 13)
13. Chi phí thù lao kiểm soát viên không chuyên trách: 60 triệu đồng
Chi phí thù lao của kiểm soát viên không chuyên trách được tính toán chi tiết theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP.
(Kèm theo phụ lục 04)
14. Chi phí ứng dụng khoa học kỹ thuật: 50 triệu đồng
Chi phí dùng để chi ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi.
15. Chi phí chống hạn đột xuất: 250 triệu đồng
Ninh Thuận là tỉnh thừa nắng thiếu mưa, điều kiện thời tiết phức tạp nên việc khô hạn là điều khó tránh khỏi, hàng năm việc hạn hán thiếu nước thường xảy ra từ tháng 2 đến tháng 8 hàng năm, lượng nước chứa trong các hồ thường xuống dưới mực nước chết, nên việc điều tiết phục vụ sản xuất, dân sinh là phải dùng rất nhiều giải pháp để chống hạn. Nên công ty dự kiến chi phí chống hạn cho 7 Huyện và Thành phố mỗi đơn vị ước tính khoảng 35 triệu đồng cho một năm.
16. Chi phí khác: 250 triệu đồng
Gồm các khoản chi phí khác chưa được tính đến trong các khoản mục chi phí trên.

B. Chi phí nhận thầu xây lắp: 1.000 triệu đồng

Chi phí nhận thầu các công trình khắc phục hạn hán và chi phí theo thực tế phát sinh.

IV. Kế hoạch lợi nhuận thực hiện trong năm: 3.852 triệu đồng

Công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nên chỉ tiêu lợi nhuận công ty xây dựng trên cơ sở mức trích tối thiểu, dùng trích các quỹ theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP và Thông tư 219/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính để duy trì hoạt động của công ty.

V. Kế hoạch nộp ngân sách Nhà Nước: 1.765 triệu đồng

Các khoản nộp tiền thuê đất, thuế giá trị gia tăng về doanh thu dịch vụ cấp nước và các khoản phải nộp khác.

Do công ty thuộc diện đơn vị trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành.

*** Ghi chú :** Đối với các công trình dự án xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung, nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ, vốn ODA Công ty thực hiện theo quyết định phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

VI. Kế hoạch xây dựng các công trình bằng nguồn vốn đầu tư phát triển: 1.400 triệu đồng

Gồm có:

- Cải tạo nâng cấp mở rộng nhà làm việc trạm Thuận Bắc
- Xây dựng nhà kho trạm Bắc Ái
- Xây dựng nhà kho trạm Thuận Nam.

VII. Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về tài chính:

Công ty bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn của Nhà nước có hiệu quả dựa trên cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đăng ký và theo quy định của Nhà nước, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp pháp cho người lao động, hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao.

2. Giải pháp về sản xuất:

a) Diện tích tưới :

Tăng cường công tác quản lý kênh mương, tập trung nạo vét, đào đắp kênh mương để đưa nước về cuối kênh, vùng khó theo nước, phân phối điều tiết nước hợp lý và áp dụng các giải pháp tiết kiệm nước nhằm đối phó với tình hình hạn hán, lũ lụt có thể xảy ra, phần đầu trong năm 2017 sẽ gieo hết diện tích sản xuất.

Phối hợp chặt chẽ với địa phương tính toán bố trí hợp lý diện tích trồng lúa và các loại cây trồng khác đảm bảo điều tiết đủ lượng nước để phục vụ sản xuất ổn định trong những tháng mùa khô.

Có kế hoạch tích trữ nước, phân phối điều tiết nước hợp lý tiết kiệm nhất là ở các hồ chứa do Công ty quản lý.

b) Nạo vét kênh mương và tu sửa công trình:

Công tác nạo vét và tu sửa công trình là nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị, nhưng tập trung chủ yếu vào thời gian đóng nước theo lịch hàng năm từ 15/4 đến 15/5, được tổ chức thi công theo đúng kế hoạch để phục vụ sản xuất và dân sinh kinh tế vùng hưởng lợi.

Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra công trình trước mùa mưa lũ, nếu phát hiện có hư hỏng phải sửa chữa kịp thời, không được để xảy ra sự cố làm ảnh hưởng đến sản xuất và gây mất ổn định công trình.

c) Kế hoạch doanh thu :

Tổ chức ký kết hợp đồng cấp nước và thu thủy lợi phí với các đơn vị dùng nước ngay từ đầu năm theo Nghị Định 67/2012/NĐ-CP, Quyết định 73/2013/QĐ-UBND để có kế hoạch đốc thu tiền nước của các đơn vị.

d) Kế hoạch xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách Nhà Nước:

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng kế hoạch và trình tự xây dựng cơ bản. Nhanh chóng hoàn tất các thủ tục cần thiết cho các công trình dự án chuẩn bị đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt ghi vốn để thực hiện.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực


Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ công nhân quản lý hồ đập, kênh mương công trình thủy lợi. Định kỳ tổ chức các lớp tập huấn về quản lý hồ đập cho các cán bộ quản lý trên 20 công trình hồ đập được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho công ty quản lý.

4. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

Nâng cấp và sử dụng phần mềm các phần mềm kế toán doanh nghiệp, phần mềm chạy dự toán công trình Acitt để nâng cao hiệu quả trong công tác kế toán, công tác xây dựng cơ bản của công ty. Tiếp tục ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý điều hành công ty.

5. Giải pháp về quản lý và điều hành:

Thường xuyên cử CBCNV tham gia các lớp tập huấn về quản trị tổ chức, quản trị tài chính, kiểm soát tài chính, các lớp nâng cao trình độ quản lý cho các cán bộ quản lý của công ty.

GIÁM ĐỐC 



Phạm Văn Hường

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Số: 2494/TTr-STC

ĐƠN SỐ: 1169

Ngày: 24/8/16

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

TỜ TRÌNH

**V/v thống nhất phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2017
của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ Nghị Định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 sửa đổi một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông Tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị Định số 67/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 sửa đổi một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch, đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt diện tích miễn thu thủy lợi phí kế hoạch năm 2017 và biện pháp tưới, tiêu theo từng diện tích tưới nước tiêu nước miễn thủy lợi phí cho công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt dự toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí năm 2017 cho Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận tại Tờ trình số 114/TTr-CT ngày 29/7/2016 về việc đề nghị thống nhất phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2017.

Để có cơ sở giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo quy định, Sở Tài chính kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nội dung sau đây:

1. Thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận (theo mẫu số 02 – ban hành kèm theo TT 219/2015/TT-BTC kèm theo Tờ trình 114/TTr-CT ngày 29/7/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận).

2. Đây là Kế hoạch tài chính chính thức làm cơ sở cho việc giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2017:

Sở Tài chính kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

(Kèm theo Dự thảo Quyết định, Tờ trình 114/TTr-CT ngày 29/7/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi, Kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận)

Nơi nhận :

- Như trên;
- Cty KTCTTL;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TCDN.
HTPT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Trường